

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 19-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dân An

2. Ông Tô Hiền Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 57A/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số nhà I, hẻm A đường L, khu phố D, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành C, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1954; cùng địa chỉ: Số nhà A đường C, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-9-2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Giữa bà với vợ chồng ông C, bà T không bà con họ hàng, chỉ quen biết ngoài xã hội. Ngày 05/3/2024 dương lịch bà mở 01 dây hui 2.000.000 đồng, gồm 25 phần; vợ chồng bà T tham gia 01 phần, kêu hui lần đầu số tiền 360.000 đồng, hốt được số tiền 38.360.000 đồng, bà T ký tên vào giấy đăng

hội đề ngày 05/3/2024 với số tiền đăng hội là 38.360.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà T đóng được 01 kỳ hội chết vào tháng 4/2024 được số tiền 2.000.000 đồng; rồi ngưng cho đến nay không đóng nữa; nên còn nợ lại số tiền hội chết là 46.000.000 đồng.

Vào ngày 25/3/2024 dương lịch, vợ chồng ông C, bà T vay thêm của bà số tiền 60.000.000 đồng, để lấy vốn làm ăn; thỏa thuận lãi suất vay 01%/tháng, thời hạn vay 01 năm; bà T ký tên vào Giấy mượn nợ đề ngày 27/3/2024 số tiền 60.000.000 đồng giao bà giữ. Tuy nhiên, vợ chồng bà T không đóng lãi hàng tháng như đã thỏa thuận, từ ngày vay 25/3/2024 đến nay không trả cho bà được khoản tiền lãi nào; ngày 11/9/2024 bà T ký Giấy xác nhận nợ tiền lãi (01%/tháng) từ ngày 27/3/2024 đến ngày 11/9/2024 với số tiền 3.600.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị T trả số tiền hội chết còn nợ là 46.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu trả tiền vay 60.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 27/3/2024 cho đến khi ông C, bà T trả tất nợ.

Bị đơn ông Lê Thành C, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã H, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn trả số tiền hội chết 46.000.000 đồng, tiền vay 60.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 27/3/2024 đến ngày xét xử; bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà L khởi kiện yêu cầu ông C, bà T trả tiền nợ hội, tiền vay; căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật, ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị T nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký tên, cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng; do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T. Ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Giấy mượn nợ đề ngày 27-3-2024 (bút lục số 45), bà T ký tên vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay 01%/tháng. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi; ông C, bà T là vợ chồng hợp pháp tuy nhiên vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L xem như đã từ bỏ quyền, lợi ích của mình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông C, bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tiền lãi được tính từ ngày 27-3-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 19-6-2025 là 14 tháng 23 ngày, với mức lãi suất 01%/tháng thành tiền là 8.860.000 đồng.

Như vậy ông C, bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 68.860.000, bao gồm: Nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 8.860.000 đồng.

[2.2] Căn cứ vào Giấy đăng hui đề ngày 05-3-2024 (bút lục số 46), bà T ký tên nhận của bà L số tiền đăng hui là 38.360.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà T đóng được 01 kỳ hui chết vào tháng 4/2024 được số tiền 2.000.000 đồng; đến nay còn nợ lại số tiền hui chết là 46.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L buộc vợ chồng ông C, bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hui 46.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà L không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của

Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Lê Thành C, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền vay 68.860.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, bao gồm: Nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 8.860.000 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Lê Thành C, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền hội chết 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu

